

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 193/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/12/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tính và ông Dương Đình Tài

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Nghiêm – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại Hội trường xét xử TAND huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXX-ST, ngày 10 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H năm 1985

Địa chỉ: Xóm M, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn C sinh năm 1988

Trú tại: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/8/2024, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày: Chị và anh C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 nhưng đến ngày 20/9/2010 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ chồng được hơn ba năm rồi ra ở riêng.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc, đến năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hoà hợp, anh C hay rượu chè say xỉn, không tu chí làm ăn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh C.

Bị đơn anh Bùi Văn C trình bày: Anh và chị H1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 nhưng đến ngày 20/9/2010 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị H1 làm đơn ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Thế T, sinh ngày 16/6/2010. Hiện nay cháu T đang ở cùng với anh C, anh có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con. Chị H1 đồng ý với nguyện vọng của anh C.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh C và chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, điều 56, điều 57, điều 81, 82 và 83 - Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị H1 được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị H1 và anh C có 01 con chung Bùi Thế T, sinh ngày 16/6/2010. Giao cháu T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Anh C không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị H1 phải chịu 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H1 làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Bùi Văn C trú tại: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, việc chị H1 khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Chị H1 và anh C có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định tại khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Chị H1 và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn. Chị H1 xin ly hôn, anh C nhất trí ly hôn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, phát triển ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân nhau. Căn cứ vào điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị H1 được ly hôn anh C.

[5] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung: Bùi Thế T sinh ngày 16/6/2010. Anh C có nguyện vọng được nuôi con, chị H1 đồng ý theo nguyện vọng của anh C. Nguyện vọng nuôi con của anh C là chính đáng, cháu T có nguyện vọng được ở với anh C. Do đó, giao cháu T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Chị H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh C không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H1 và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 51, điều 56, điều 57, điều 81, 82 và 83 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 5 điều 177, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị H1 được ly hôn anh Bùi Văn C.

2. Về con chung: Công nhận vợ chồng có 01 con chung: Bùi Thế T, sinh ngày 16/6/2010. Giao cháu T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Anh C không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Bùi Văn C không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị H1 phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu ký hiệu: BLTU/24 số 0002605, ngày 02/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy. Chị H1 đã nộp đủ án phí DSST.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy;
- UBND xã Cẩm Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Ánh Tuyết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

